

Số: P34/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển cao học dược khóa 20 (2015 - 2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/09/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 224/TTg ngày 24/05/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ dược học;

Căn cứ vào Biên bản xét xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm 2015 ngày 28/8/2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

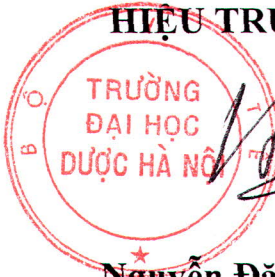
Điều 1. Công nhận trúng tuyển cao học dược khoá 20 (2015–2017), hệ tập trung cho 67 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng Phòng Sau đại học, Tài chính kế toán, Hành chính tổng hợp, Tổ chức cán bộ, Khảo thí và Kiểm định chất lượng và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Hòa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN
CAO HỌC DƯỢC KHÓA 20 (2015 - 2017)**

(Kèm theo Quyết định số 834/QĐ-DHN ngày 21/9/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN)

TT	Họ và tên thí sinh		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐT	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	15/12/1990	Nghệ An	CB	DL&DLS	
2	Hà Huy	Bách	Nam	03/11/1991	Hải Phòng	TD	DL&DLS	
3	Vũ Thị Ngọc	Bích	Nữ	06/11/1990	Nam Định	TD	CNDP&BCT	
4	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	15/3/1982	Hà Nội	CB	DL&DLS	
5	Trần Thị Thu	Cúc	Nữ	10/11/1982	Hà Nội	TD	DL&DLS	
6	Lê Thanh	Cường	Nam	10/5/1981	Sơn La	CB	TCQLD	
7	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	04/7/1992	Hải Phòng	TD	DHCT	
8	Vũ Thị Hồng	Duyên	Nữ	12/11/1987	Hưng Yên	CB	CNDP&BCT	
9	Nguyễn Huy	Dương	Nam	09/10/1989	Nam Định	TD	DHCT	
10	Đỗ Thị	Định	Nữ	04/9/1988	Hải Dương	CB	DHCT	
11	Phùng Bá	Đức	Nam	07/12/1989	Hà Nội	TD	DHCT	
12	Phạm Thị Linh	Giang	Nữ	07/5/1991	Quảng Bình	TD	DHCT	
13	Nguyễn Ngân	Hà	Nữ	10/11/1986	Thanh Hóa	TD	DL&DLS	
14	Phạm Trần Thu	Hà	Nữ	19/3/1987	Hà Nội	TD	DL&DLS	
15	Đỗ Đình	Hải	Nam	06/02/1983	Thanh Hóa	DN	TCQLD	
16	Nguyễn Xuân	Hải	Nam	10/01/1991	Hà Nội	TD	DL&DLS	
17	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/02/1978	Hà Nội	CB	KNT&ĐC	
18	Phạm Đức	Hân	Nam	01/9/1990	Phú Thọ	DN	DL&DLS	
19	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	07/8/1986	Vĩnh Phúc	CB	DL&DLS	
20	Nguyễn Quang	Hiệu	Nam	24/11/1980	Nam Định	CB	DHCT	
21	Cao Thị Thu	Huyền	Nữ	03/8/1988	Hà Nội	CB	DL&DLS	
22	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/02/1984	Vĩnh Phúc	CB	TCQLD	
23	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/12/1984	Quảng Ninh	TD	CNDP&BCT	
24	Võ Viết	Hùng	Nam	21/10/1988	Hà Tĩnh	CB	KNT&ĐC	
25	Nguyễn Thế	Hung	Nam	11/9/1989	Điện Biên	CB	DL&DLS	
26	Phạm Thu	Hương	Nữ	27/10/1989	Quảng Nam	CB	CNDP&BCT	
27	Lê Thị	La	Nữ	24/6/1983	Hải Dương	CB	KNT&ĐC	
28	Phạm Thanh	Liêm	Nam	31/5/1992	Lào Cai	TD	CNDP&BCT	
29	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	09/9/1992	Bắc Giang	TD	DHCT	
30	Phạm Thị	Luân	Nữ	11/3/1986	Hà Nội	TD	CNDP&BCT	
31	Nguyễn Minh	Luyến	Nữ	02/8/1985	Hải Dương	TD	DHCT	
32	Phan Thị Diễm	Ly	Nữ	21/9/1990	Quảng Ngãi	TD	CNDP&BCT	
33	Lê Thị Hương	Mai	Nữ	26/11/1992	Hà Nội	TD	DL&DLS	
34	Hoàng Thị	Mai	Nữ	22/4/1987	Thanh Hóa	CB	TCQLD	
35	Vũ Thị Hoàng	Mai	Nữ	24/11/1983	Hải Phòng	TD	TCQLD	
36	Lưu Tuấn	Minh	Nam	12/5/1990	Nam Định	TD	DL&DLS	
37	Lê Nguyễn Thành	Nam	Nam	10/02/1986	Hà Nam	TD	CNDP&BCT	
38	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	08/3/1992	Thanh Hóa	TD	TCQLD	
39	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	13/11/1991	Bắc Giang	TD	DL&DLS	

TT	Họ và tên thí sinh		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐT	Chuyên ngành	Ghi chú
40	Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nam	09/9/1992	Nghệ An	TD	TCQLD	
41	Phạm Đình	Ngự	Nam	28/4/1982	Hải Dương	CB	DL&DLS	
42	Lê Thị	Nhung	Nữ	22/5/1989	Thái Bình	TD	DL&DLS	
43	Cô Thị	Oanh	Nữ	25/7/1985	Nam Định	CB	CNDP&BCT	
44	Nông Thị Thanh	Phuong	Nữ	23/10/1991	Bắc Giang	TD	DL&DLS	
45	Trần Ngọc	Phuong	Nữ	17/02/1992	Vĩnh Phú	TD	CNDP&BCT	
46	Quản Duy	Quang	Nam	23/4/1991	Hà Nội	TD	CNDP&BCT	
47	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	06/02/1992	Hải Phòng	TD	CNDP&BCT	
48	Lê Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	20/3/1990	Vĩnh Phú	TD	KNT&ĐC	
49	Phạm Thị	Tâm	Nữ	20/11/1987	Thái Bình	CB	KNT&ĐC	
50	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/5/1987	Thanh Hóa	CB	DL&DLS	
51	Trần Quốc	Thịnh	Nam	05/8/1991	Nghệ An	TD	CNDP&BCT	
52	Vì Thị	Thợi	Nữ	30/10/1986	Sơn La	CB	TCQLD	
53	Hoàng Thị Minh	Thu	Nữ	25/8/1992	Vĩnh Phú	TD	CNDP&BCT	
54	Trần Thị	Thúy	Nữ	02/5/1980	Thanh Hóa	CB	TCQLD	
55	Nguyễn Việt	Thúy	Nữ	20/8/1985	Hải Phòng	CB	KNT&ĐC	
56	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	17/01/1993	Hà Nội	TD	DL&DLS	
57	Lê Khánh	Thủy	Nữ	02/9/1990	Đà Nẵng	TD	CNDP&BCT	
58	Ngô Thị Thanh	Tịnh	Nữ	06/7/1980	Hà Tĩnh	CB	TCQLD	
59	Nguyễn Lê	Trang	Nữ	28/5/1988	Hà Nội	DN	DL&DLS	
60	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	26/7/1991	Thái Bình	TD	DL&DLS	
61	Vũ Thị	Trình	Nữ	20/6/1985	Thanh Hóa	CB	DL&DLS	
62	Đỗ Mạnh	Trung	Nam	10/9/1984	Nam Định	CB	DHCT	
63	Dương Ánh	Tuyết	Nữ	17/4/1983	Hải Dương	CB	TCQLD	
64	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	26/02/1987	Yên Bái	TD	TCQLD	
65	Phạm Đức	Vĩnh	Nam	21/7/1990	Nam Định	CB	DL&DLS	
66	Hoàng Hải	Yến	Nữ	10/9/1988	Thái Nguyên	CB	DL&DLS	
67	Ninh Bảo	Yến	Nữ	16/10/1991	Nam Định	TD	DL&DLS	

(Danh sách gồm 67 thí sinh)

Ghi chú:

CNDP&BCT: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc

DHCT: Dược học cổ truyền

DL&DLS: Dược lý và Dược lâm sàng

KNT&ĐC: Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

TCQLD: Tổ chức quản lý dược